TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9- 2019
"Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX- ST, ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Minh Đ, sinh năm 1988 nơi cư trú tổ 05, ấp Tân Đ, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Chung Thị Kim D, sinh năm 1991 nơi cư trú tổ 05, ấp Tân Đ, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 28/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Phan Minh Đ trình bày:

Năm 2008 anh Đ và chị Chung Thị Kim D tự tìm hiểu quen biết, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên anh Đ và chị D tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ nói, lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2009. Nữ trang cưới gồm 05 chỉ vàng 24k, khi vợ chồng sống ly thân D đã mang theo, anh Đ không trnah chấp số vàng cưới này.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp Tân Đ, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 02 năm và sinh được 01 con chung tên Phan Thị Thùy Nh, sinh ngày 13/01/2009, hiện do anh Đ đang nuôi dưỡng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh Đức không có tạo lập ra tài sản chung, không có nợ chung và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng .

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng anh Đ thường hay cự cãi, gây gỗ với nhau về vấn đề tiền bạc và kinh tế, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến tháng 12 năm 2010 chị D và anh Đ sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì con chung chị D giao cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến nay, chị D chỉ về thăm con.

Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm, do đó anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị Chung Thị Kim D.

- Về con chung: Cháu Phan Thị Thùy Nh, sinh ngày 13/01/2009 anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Chung Thị Kim D cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn chị Chung Thị Kim D:*

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn chị D hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

** Ý kiến cháu Phan Thị Thùy Nh*: Cháu Nh có ý kiến muốn tiếp tục sống chung với cha.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Đ vẫn giữ yêu cầu khởi kiện chị Chung Thị Kim D. Về hôn nhân anh Phan Minh Đ yêu cầu ly hôn với chị Chung Thị Kim D. Về con chung: Cháu Phan Thị Thùy Nh, sinh ngày 13/01/2009 anh Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Phan Minh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn chị Chung Thị Kim D cư trú tại ấp Tân Đ, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Theo đơn xác nhận nơi cư trú ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Công an xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long thì chị Chung Thị Kim D, sinh năm 1991 đăng ký thường trú tại Tổ 05, ấp Tân Đ, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì chị D đi làm ăn xa và sinh sống nơi khác không thông báo cho anh Đ, cũng như Tòa án nhân dân huyện Bình Tân biết về địa chỉ mới hiện nay nên được xem là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Anh Đ khởi kiện bị đơn theo địa chỉ đăng ký thường trú là đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải các ngày 15/7/2019, ngày 02/8/2019, triệu tập tham dự phiên tòa vào các ngày 30/8/2019 và ngày 23/9/2019 cho chị Chung Thị Kim D đúng theo quy định của pháp luật nhưng chị D hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt chị D. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Chung Thị Kim D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân anh Phan Minh Đ và chị Chung Thị Kim D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của anh Phan Minh Đ xin ly hôn chị Chung Thị Kim D hoàn toàn có cơ sở, bởi vì về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị D là trầm trọng, vợ chồng có thời gian sống ly thân rất lâu từ năm 2010 đến nay, anh Đ xác định không còn tình cảm với chị D nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Phan Minh Đ được ly hôn với chị Chung Thị Kim D.

[2.2] Về con chung: Cháu Phan Thị Thùy Nh, sinh ngày 13/01/2009 anh Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của anh Đức là hoàn toàn có cơ sở vì từ khi anh Đ và chị D sống ly thân đến nay anh Đ nuôi cháu Nh cũng đảm bảo

tốt mọi mặt đời sống sinh hoạt của cháu Nh. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nh cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhiên. Chị D không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh Đ không được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Anh Phan Minh Đ không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Anh Phan Minh Đ phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, 81,82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Minh Đ đối với chị Chung Thị Kim D. Cho anh Phan Minh Đ ly hôn với chị Chung Thị Kim D.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Thùy Nh, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2009 cho anh Phan Minh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị Chung Thị Kim D không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Phan Minh Đ không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Phan Minh Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0015394 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy anh Phan Minh Đ đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Chung Thị Kim D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Bình Tân 01;
- Chi cục THADS.H Bình Tân 01;
- UBND xã Tân Q 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm